TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Phi Hùng
2. Ông Sơn Mứt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham dự.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2025/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**
Tên viết tắt: **V1**.
Địa chỉ: Số H, L, phường Đ, thành phố Hà Nội.
<u>Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn</u>:
Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.
Là: Người đại diện theo pháp luật của V1.
Ông **Nguyễn Hồng B** – Trưởng Phòng xử lý nợ V1.
Là: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.
(Văn bản ủy quyền ngày 12/02/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1).
<u>Người được ủy quyền lại</u>:
Ông **Huỳnh D1** – Chuyên viên xử lý nợ V1. (có mặt)
Địa chỉ: Số C - C, H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.
(Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2025 của Trưởng Phòng xử lý nợ V1).

2. <u>Bị đơn</u>: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, Tổ I, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là số 3821, Tổ I, khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Bích T có vay vốn của V1 với hình thức cấp thẻ tín dụng theo hợp đồng số LN 1912192004560, số hồ sơ giải ngân 005-P-9473670, số tiền vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 19/12/2019, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 10/4/2024, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 14/7/2025, chị T còn nợ số tiền vốn và lãi tổng cộng 129.169.209 đồng, trong đó: nợ vốn: 59.340.636 đồng, nợ lãi: 69.828.573 đồng.

V1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T phải thanh toán cho V1 số tiền vốn và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 14/7/2025 tổng cộng là 129.169.209 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 15/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bích T đồng ý trả số tiền vốn vay còn nợ phải thanh toán cho V1 là 59.340.636 đồng. Đối với nợ lãi thì đề nghị V1 xem xét bỏ phần tính lãi suất vì không còn khả năng thanh toán, đồng thời xin miễn nộp tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn V1 có nộp bổ sung văn bản tính lãi suất từ ngày vay cho đến ngày 25/11/2025. Đồng thời, yêu cầu chị T có trách nhiệm thanh toán cho V1 số tiền nợ vốn là 59.340.636 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/11/2025 là 70.320.434 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 129.661.070 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 26/11/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là số C, Tổ I, khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH25 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử

vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T có vay vốn của nguyên đơn V1 với hình thức cấp thẻ tín dụng theo hợp đồng số LN 1912192004560, số hồ sơ giải ngân 005-P-9473670, số tiền vay 60.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, ngày giải ngân 19/12/2019, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 10/4/2024, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 25/11/2025, chị T còn nợ V1 số tiền vốn và lãi tổng cộng là 129.661.070 đồng, trong đó: Nợ vốn 59.340.636 đồng, nợ lãi là 70.320.434 đồng. Chị T đồng ý thanh toán cho V1 số tiền nợ vốn 59.340.636 đồng và đề nghị xem xét bỏ phần nợ lãi.

Xét yêu cầu của V1 đề nghị chị T phải thanh toán cho V1 số tiền vốn và lãi còn nợ tính đến ngày 25/11/2025 tổng cộng là 129.661.070 đồng, trong đó: Nợ vốn 59.340.636 đồng, nợ lãi là 70.320.434 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 26/11/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị T đề nghị xem xét bỏ phần tính lãi suất vì không có khả năng thanh toán, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nhưng phía V1 không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét. Do đó, về điều kiện và khả năng thanh toán nợ của chị T nên để cơ quan thi hành án dân sự xem xét giải quyết theo thẩm quyền trong quá trình thi hành án.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền vốn vay và lãi còn nợ tính đến ngày 25/11/2025 theo hợp đồng vay vốn số

LN 1912192004560, số hồ sơ giải ngân 005-P-9473670, ngày giải ngân 19/12/2019, tổng cộng là 129.661.070đ *(Một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm bảy mươi đồng)*, trong đó: Nợ vốn 59.340.636đ *(Năm mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng)*, nợ lãi là 70.320.434đ *(Bảy mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn, bốn trăm ba mươi bốn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 6.483.000đ *(Sáu triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 3.229.000đ *(Ba triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003290 ngày 26/9/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS KV3 – Vĩnh Long;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa